

Bản án số: 70/2023/KDTM-ST

Ngày 16 tháng 01 năm 2023

*V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán
hàng hóa”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hưng
2. Bà Bùi Thị Hòa Bình

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Mai, Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Hoàng Anh-Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 1162/2021/TLST-KDTM ngày 15 tháng 11 năm 2021, về tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2022/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 613/2022/QĐST-KDTM ngày 13 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 409/2022/QĐST-KDTM ngày 30/12/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Tổng Công ty hóa dầu P

Địa chỉ: Tầng 18& 19, số 229, phố Tây Sơn, phường N, quận Đ, Thành phố H

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, Huỳnh Thị Mỹ H- có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: 104 Mai Thị Lựu, Phường Đ, Quận X, Tp H

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại T T-vắng mặt

Địa Chỉ: 202 Phan Văn Hân, Phường X, quận Y, Tp H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thơ-chức vụ: Giám đốc-vắng mặt

Địa chỉ: 202 Phan Văn Hân, Phường Y, quận B, Tp H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2021 và các lời khai của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Tổng Công ty hóa dầu P trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa như sau:

Tổng Công ty hóa dầu P (Sau đây gọi tắt là Tổng Công ty P) và Công ty TNHH Thương mại T T (Sau đây gọi tắt là Công ty T T) đã ký Hợp đồng mua bán số 42/DN vào ngày 04/01/2016. Thực hiện theo quy định tại khoản 3.2

Điều 3 Hợp đồng, Tổng Công ty P, cụ thể là Chi nhánh Hóa dầu S đã tiến hành giao hàng cho Công ty T T theo như cam kết. Về phía Công ty T T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hàng, không thanh toán số tiền mua hàng trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hàng của Chi nhánh Hóa dầu S.

Đến ngày 06/12/2018, Tổng Công ty P-Chi nhánh Hoá dầu S và Công ty T T tổ chức cuộc họp công nợ. Theo đó, Công ty T T xác nhận còn nợ Chi nhánh Hoá dầu S tính đến ngày 30/11/2018 số tiền là 1.730.000.000 đồng và *“Ông Nguyễn Th cam kết sẽ thanh toán tối thiểu 100 triệu đồng mỗi tháng từ tháng 1 năm 2019, đến hết ngày 30/09/2019 sẽ thanh toán 1,61 tỷ. Khi còn lại 120 triệu hai bên sẽ tiến hành thủ tục thanh lý sổ đỏ đặt cọc và số tiền còn lại theo thoả thuận”*. Tuy nhiên, hết thời hạn nêu trên nhưng Công ty Trường Thi vẫn không thực hiện thanh toán đúng theo nội dung cam kết này.

Tính đến hiện nay, Công ty T T mới chỉ thanh toán được 650.000.000 đồng. Như vậy, Công ty T T còn nợ Chi nhánh Hóa dầu S số tiền là 1.080.000.000 đồng (một tỷ không trăm tám mươi triệu đồng).

Bên cạnh đó, căn cứ khoản 3.2 Điều 3 Hợp đồng có quy định: *“Quá hạn Bên B phải trả thêm cho Bên A tiền lãi chậm trả theo lãi suất của ngân hàng ngoại thương Việt Nam tại thời điểm thanh toán”*.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty T T đã nhiều lần vi phạm thời hạn thanh toán tại khoản 3.2 Điều 3 Hợp đồng. Do đó, Công ty T T có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho Tổng Công ty P-Chi nhánh Hóa dầu S theo lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng ngoại thương Việt Nam tại thời điểm thanh toán kể từ ngày đến hạn cho tới ngày thanh toán đầy đủ các khoản nợ. Công ty T T có nhiều giai đoạn thanh toán khác nhau kể từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ đến nay, mức lãi suất chậm trả của Ngân hàng ngoại thương Việt Nam cũng dao động và thay đổi theo mỗi thời điểm khác nhau, với mức lãi suất cao. Vì vậy, để có lợi cho bị đơn, Tổng Công ty P-Chi nhánh Hóa dầu S yêu cầu Công ty T T thanh toán tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày đến hạn cho tới ngày thanh toán đầy đủ khoản nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, theo đó, số tiền lãi chậm thanh toán phát sinh (tạm tính đến ngày 16/01/2023 là 541.169.863 đồng.)

Như vậy, tổng cộng số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 16/01/2023 là 1.621.169.863 đồng. Trong đó, nợ gốc: 1.080.000.000 đồng, tiền lãi: 541.169.863 đồng.

Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH Thương mại T T thanh toán cho Công ty chúng tôi số tiền là: 1.621.169.863 đồng. Trong đó, nợ gốc: 1.080.000.000 đồng, tiền lãi: 541.169.863 đồng.

Về thời hạn thanh toán: Thanh toán đầy đủ làm một lần ngay khi có hiệu lực pháp luật và tiếp tục trả lãi theo quy định cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Đối với yêu cầu khẩn cấp tạm thời về việc “Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ, cụ thể cấm xuất cảnh đối với người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH Thương mại T T là ông Nguyễn Th, sinh ngày 05/10/1963, chức vụ Giám đốc ” thì nguyên đơn có đơn xin rút yêu cầu ngày 30/12/2022.

2. Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại T T, Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Th-chức vụ: Giám đốc-vắng mặt:

Tòa án đã triệu tập bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại T T, Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Th-chức vụ: Giám đốc tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án, lấy lời khai, công khai chứng cứ, hòa giải và đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại T T, Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Th-chức vụ: Giám đốc vẫn vắng mặt không có lý do.

3. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Thẩm phán đã vi phạm thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử. Về giải quyết và xét xử vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của pháp luật về tố tụng. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia. Về nội dung vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa các bên trong vụ án là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận được quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm thụ lý bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại T T, có trụ sở đăng ký kinh doanh tại quận Bình Thạnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vắng mặt, căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại T T, Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Th-chức vụ: Giám đốc đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến tham gia phiên Tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[3]. Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi số tiền tạm tính đến ngày 16/01/2023 là 1.621.169.863 đồng. Trong đó, nợ gốc: 1.080.000.000 đồng, tiền lãi: 541.169.863 đồng, Hội đồng xét xử xét:

[3.1.1] Căn cứ hợp đồng mua bán số 42/DN ngày 04/01/2016 của Tổng Công ty P với Công ty T T, thì hai bên A (Tổng Công ty P) bán cho bên B (Công ty T T) các loại dầu mỡ nhờn với quy cách bao bì, số lượng và đơn giá theo bảng giá đính kèm theo Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 04/01/2016 là có căn cứ.

Căn cứ Hóa đơn giá trị gia tăng số 0002530 ngày 15/12/2015 (số tiền 714.765.575 đồng), 0002531 ngày 15/12/2015 (19.814.960 đồng), 0003546 ngày 14/01/2016 (807.652.788 đồng) và 0003547 ngày 14/01/2016 (44.520.000 đồng) của Tổng Công ty P cho Công ty T T thì tổng số tiền là 1.586.753.323 đồng.

Căn cứ biên bản họp công nợ ngày 06/12/2018 (thì số nợ là 143.246.677 đồng và 1.586.753.323 đồng), Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/9/2021 thì số tiền dư nợ của Công ty T T còn nợ là 1.330.000.000 đồng, ngày 05/01/2021 là 1.280.000.000 đồng, ngày 02/4/2021 là 1.230.000.000 đồng.

Nguyên đơn trình bày xác nhận bị đơn Công ty T T đã thanh toán thêm tra nguyên đơn số tiền 150.000.000 đồng. Như vậy số tiền gốc bị đơn Công ty T T còn nợ nguyên đơn Tổng Công ty P số tiền 1.080.000.000 đồng, đúng với trình bày của nguyên đơn nên có căn cứ để chấp nhận.

[3.1.2] Đối với yêu cầu tính lãi 10%/năm tạm tính từ ngày 30/11/2018 đến ngày 16/01/2023 là 541.169.863 đồng theo bảng tính lãi ngày 16/01/2023 trên cơ sở qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử xét:

Căn cứ khoản 3.2 Điều 3 Hợp đồng có quy định: *“Bên B Công ty T T phải thanh toán cho bên A Tổng Công ty P số tiền mua hàng trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được hàng của bên A và mức công nợ tại một thời điểm không quá 2.000.000.000. Quá hạn Bên B phải trả thêm cho Bên A tiền lãi chậm trả theo lãi suất của Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam tại thời điểm thanh toán”*.

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại năm 2015 qui định: *Quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán.*

Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Tại đơn xin vắng mặt và bản trình bày ngày 16/01/2023, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật sự năm 2015. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự quy định về lãi suất, do lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cao hơn 10%/năm và mức lãi suất tại nhiều giai đoạn khác nhau, nhiều năm khác nhau, nên tính có lợi cho bị đơn thì nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 ($\frac{1}{2}$ 20%/năm là 10%) tại các thời điểm trả nợ. Như vậy, yêu cầu tính lãi theo quy định của bộ luật dân sự thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn chậm trả của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn Tổng Công ty P được chấp nhận là 10%/năm, có lợi cho bị đơn.

Đồng thời, thời gian bắt đầu tính lãi là ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày bắt đầu tính lãi là ngày 30/11/2018, nên trình bày của nguyên đơn có căn cứ được chấp nhận.

Do đó, bị đơn Công ty T T phải trả tiền lãi cho nguyên đơn Tổng Công ty Petrolimex số tiền lãi là: 541.169.863 đồng.

Như vậy bị đơn phải trả tiền cho nguyên đơn tổng cộng là 1.621.169.863 đồng. Trong đó, nợ gốc: 1.080.000.000 đồng, tiền lãi: 541.169.863 đồng

-Về thời hạn thanh toán:

Nhận thấy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán đầy đủ làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn nên câu này được chấp nhận.

[3.2]. Bị đơn Công ty T T, người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Nguyễn Thơ không tham gia tố tụng nên không có tài liệu chứng cứ nào trình bày trước các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, bị đơn đã tự mình khước từ quyền tham gia tố tụng để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại phiên tòa xét xử.

[3.3]. Đối với yêu cầu khẩn cấp tạm thời về việc “Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ, cụ thể cấm xuất cảnh đối với người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH Thương mại T T là ông Nguyễn Th, sinh ngày 05/10/1963, chức vụ Giám đốc ” thì nguyên đơn có đơn xin rút yêu cầu ngày 30/12/2022, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

Về án phí:

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty T T phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn 1.621.169.863 đồng là 60.635.095,89 đồng (làm tròn 60.635.000 đồng).

Hoàn lại cho Tổng Công ty hóa dầu P số tiền tạm ứng án phí 28.887.000 đồng do nguyên đơn Tổng Công ty hóa dầu P -CTTP nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000172 ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 30; Điều 35; Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 306 Luật Thương mại năm 2015;
- Áp dụng Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng Công ty hóa dầu P-CTTP:

Buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại T T có nghĩa vụ trả cho Tổng Công ty hóa dầu P-CTTP số tiền 1.621.169.863 đồng. Trong đó, nợ gốc: 1.080.000.000 đồng, tiền lãi: 541.169.863 đồng tạm tính đến ngày 16/01/2023.

2. Về thời hạn thanh toán: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Trường Thi có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm số tiền trên cho Tổng Công ty hóa dầu P-CTTP làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại T T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Trường Thi phải chịu án là 60.635.000 đồng.

- Hoàn lại cho Tổng Công ty hóa dầu P-CTTP số tiền tạm ứng án phí 28.887.000 đồng do Tổng Công ty hóa dầu P-CTTP nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000172 ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự
- Lưu VP, hồ sơ...

**TM-HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Tùng